

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3914 2929 Fax: (028) 3914 3435
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Thanh Bình
- Địa chỉ thường trú: 269/1 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại di động:
- Điện thoại cơ quan: (028) 3914 2929 Ext:
- Fax: (028) 3914 3435
- Loại thông tin công bố:  
 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021.
- 3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/04/2022 tại đường dẫn <https://www.bsi.com.vn/vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-khac>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên BETA 2021

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
**Tổng Giám đốc**



**HOÀNG THANH BÌNH**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

ANNUAL REPORT





# NỘI DUNG

CONTENTS

## 04 THÔNG TIN CHUNG

- 05 Thông tin khái quát
- 08 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 09 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 10 Định hướng phát triển
- 11 Các rủi ro

## 15 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 16 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 17 Tổ chức và nhân sự
- 20 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 20 Tình hình tài chính
- 21 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 22 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## 24 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 26 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 27 Tình hình tài chính
- 28 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 29 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## 30 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 32 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 33 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022

## 34 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 36 Hội đồng quản trị
- 37 Ban Kiểm soát
- 37 Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## 38 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**BETA**<sup>®</sup>  
BETA SECURITIES INC



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

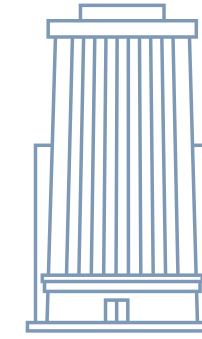
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



**TÊN GIAO DỊCH:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA (BETA)

**TÊN TIẾNG ANH:** BETA SECURITIES INCORPORATION

**LOGO CÔNG TY:**



### GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

- Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp số: 67/UBCK-GP cấp ngày 06/12/2007;
- Giấy phép sửa đổi số: 142/UBCK-GP ngày 25/7/2008;
- Giấy phép sửa đổi số: 148/UBCK-GP ngày 28/8/2008;
- Giấy phép sửa đổi số: 163/UBCK-GP ngày 11/11/2008;
- Giấy phép sửa đổi số: 280/UBCK-GP ngày 20/11/2009;
- Giấy phép điều chỉnh số: 51/GPĐC-UBCK ngày 31/8/2011;
- Giấy phép điều chỉnh số: 113/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2012;
- Giấy phép điều chỉnh số: 49/GPĐC-UBCK ngày 11/11/2013;
- Giấy phép điều chỉnh số: 80/GPĐC-UBCK ngày 08/10/2018;
- Giấy phép điều chỉnh số: 87/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2020



### VỐN ĐIỀU LỆ

**400.000.000.000 VNĐ**  
(Bốn trăm tỷ đồng)

**Địa chỉ** Tầng 4-5, Số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**Số điện thoại** (028) 3914 2929 Fax: (028) 3914 2626

**Website** bsi.com.vn

**Mã cổ phiếu** Không



## 2007

06/12/2007: BETA được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## 2008

25/7/2008: Vốn điều lệ của BETA tăng từ 135 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng

28/08/2008: BETA tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

## 2009

01/7/2009: BETA chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading)

Ngày 08/10/2009: BETA thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

20/11/2009: BETA chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp

## 2011

Tháng 01/2011: BETA vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010"

31/8/2011: Vốn điều lệ của BETA tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

## 2010

14/10/2010: BETA thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## 2012

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-trade, triển khai nghiệp vụ Margin

## 2013

Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BETA chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu chính phủ nhiều nhất năm 2013

Tháng 3/2013: Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tháng 10/2013: BETA chính thức chuyển trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## 2014

Tháng 01/2014 BETA chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa chi nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán. Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường chứng khoán trong nước bà đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực. Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng

## 2018

11/06/2018 BETA chính thức triển khai ứng dụng BSI Trade và Nhà đầu tư được giao dịch trên nền tảng công nghệ mới. Nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm với Web Trading (BMT) và Mobi Trading (MBT) về bảo mật, tốc độ xử lý lệnh cũng như những tính năng vượt trội khác được tích hợp ngay trên giao diện thân thiện, dễ sử dụng và hiệu quả. Bên cạnh đó, với Bảng giá đặt lệnh thông minh theo thời gian thực, BETA đã đem đến cho nhà đầu tư trải nghiệm tuyệt vời khi có thể đặt lệnh mua - bán và cập nhật thông tin thị trường trực tiếp ngay trên bảng giá điện tử.

## 2021

BETA chính thức ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến qua eKYC và update thành công hệ thống giao dịch.



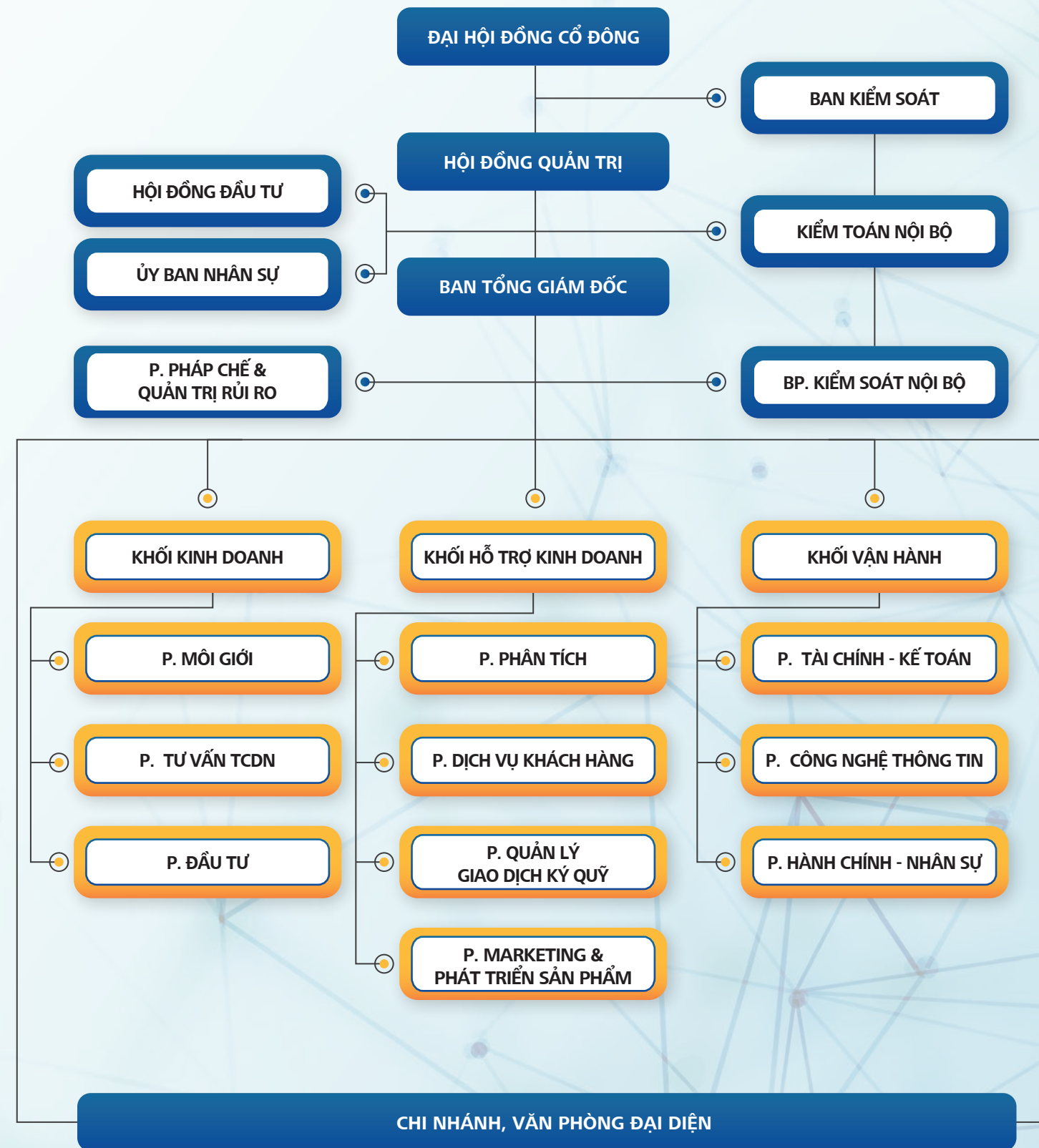
Ngành nghề kinh doanh:



Địa bàn kinh doanh:  
Tầng 4-5, Số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.  
Cơ cấu bộ máy quản lý:





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### BỀN VỮNG, AN TOÀN, MINH BẠCH VÀ HIỆU QUẢ

- BETA hướng đến sự phát triển bền vững, an toàn, minh bạch và hiệu quả
- Mục tiêu của BETA là luôn đồng hành cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng
- BETA tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi quan trọng nhất và CON NGƯỜI và CÔNG NGHỆ:



#### CON NGƯỜI

BETA tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân lực đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực, BETA đề cao đạo đức nghề nghiệp nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng

#### CÔNG NGHỆ

BETA tiếp tục kiên định với định hướng không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thân thiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, đem đến cho khách hàng những trải nghiệm mới với sự hài lòng cao.

## CÁC RỦI RO

#### RỦI RO KINH TẾ

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp. Với các công ty chứng khoán thì ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô nhanh hơn và tác động mạnh hơn so với phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề khác bởi thị trường chứng khoán được ví như là "Phong vũ biểu" của nền kinh tế. Đồng thời, thị trường chứng khoán ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ tới hoạt động và hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán. Có thể nói, hầu hết các hoạt động và các khoản doanh thu của một công ty chứng khoán đều gắn liền với thị trường chứng khoán.
- Là một công ty chứng khoán nên hiệu quả hoạt động của BETA chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán. Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ những chuyển động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán tới hiệu quả hoạt động của công ty, BETA luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp.



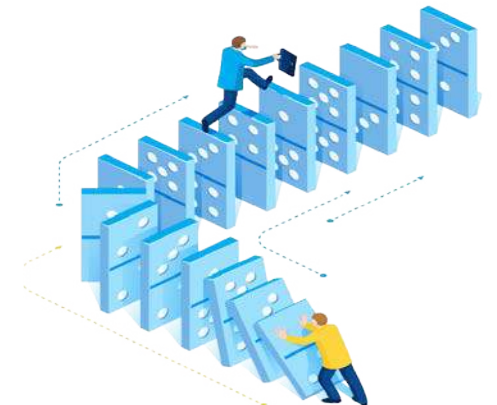
#### RỦI RO PHÁP LUẬT

- BETA hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại BETA là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.



#### RỦI RO CHIẾN LƯỢC

- Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của BETA. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của BETA. Vì vậy, BETA luôn theo dõi các biến động của thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh quy mô của công ty phù hợp với quy mô của thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự, ... phải phù hợp với tình hình thị trường đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường cả lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.





## CÁC RỦI RO

### RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của BETA do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là lỗi con người do nhầm lẫn vô tình. Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra cho công ty, BETA đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của BETA;
- Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì Hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng;
- Hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến quản trị hiệu quả mọi rủi ro hoạt động và tuân thủ;
- Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc đầy đủ, rõ ràng và phổ biến đầy đủ cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.



### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản của thị trường chứng khoán.

- Khi lãi suất thị trường thay đổi doanh thu của BETA sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp: Lãi suất của các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ... Và lãi suất thay đổi làm ảnh hưởng đến dòng tiền trên thị trường và ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới chứng khoán của BETA. Để giảm thiểu các thiệt hại có thể phát sinh do rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, BETA luôn chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

- Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi các biến động trong giá chứng khoán, tình hình thị trường hoặc có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác...khi giá chứng khoán biến động ngoài dự kiến có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.



## CÁC RỦI RO

### RỦI RO THANH KHOẢN

Khi Công ty không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ. Công ty cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản.

### RỦI RO THANH TOÁN

Khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, sẽ dẫn đến tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro này cũng có thể xảy ra khi Công ty cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán.

### RỦI RO NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ở ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng.

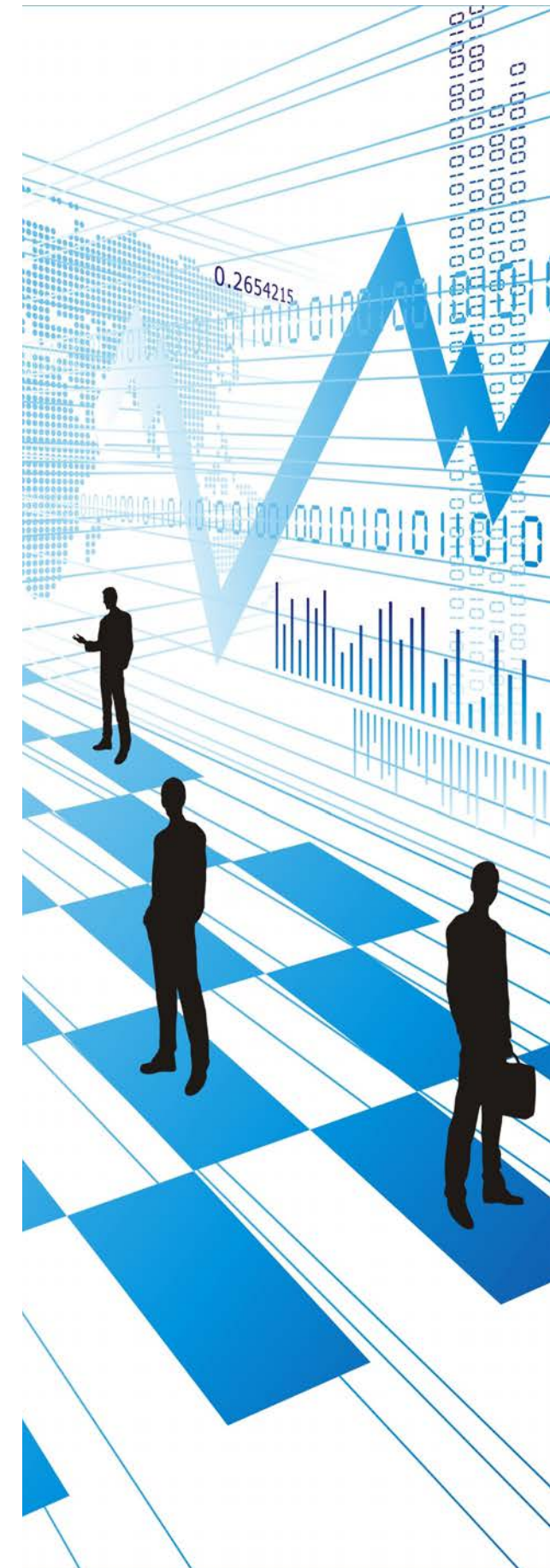
### RỦI RO CẠNH TRANH VÀ TÁI CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tính đến cuối năm 2021, số lượng các công ty chứng khoán đang hoạt động trên TTCK là gần 80 công ty. Các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự. Các Công ty chứng khoán đã tập trung đến việc cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích như các loại đòn bẩy tài chính cho khách hàng, cũng như đổi mới về công nghệ.

Vì vậy, BETA đã và đang không ngừng đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, BETA đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

### CÁC RỦI RO MANG TÍNH BẤT KHẢ KHÁNG

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, chiến tranh, dịch bệnh...đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Do đó Công ty đặc biệt chú trọng đến việc nguồn nhân lực, hệ thống công nghệ thông tin nhằm mục đích khôi phục và ổn định hoạt động của Công ty nhanh nhất khi xảy ra các rủi ro này.





# Business Activities

48%

35/100  
264

65%

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



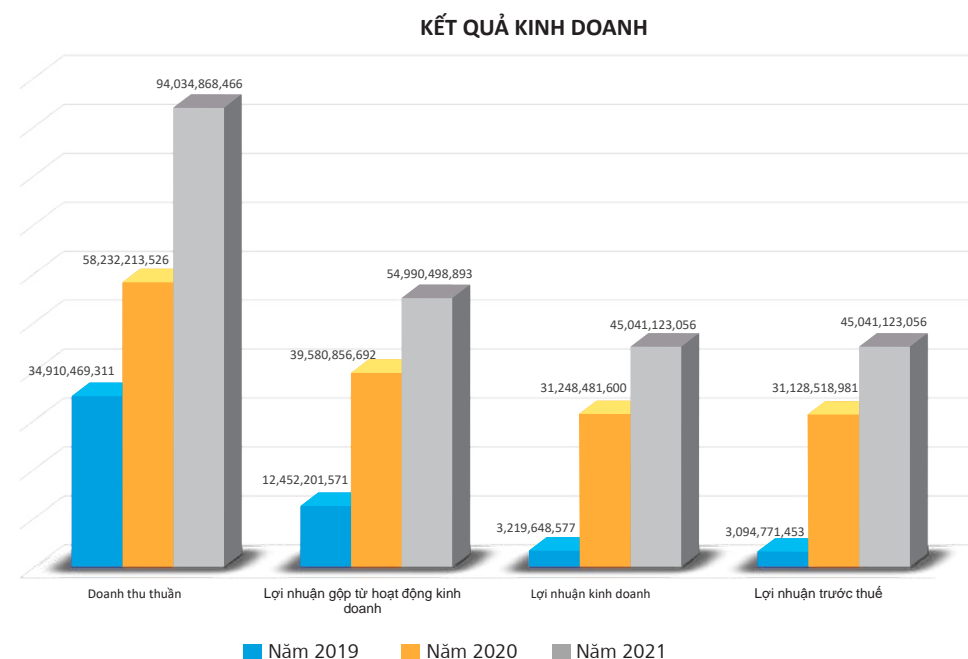
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NĂM 2021 ĐẠT  
**1.498,28** điểm  
 ↑ 35,73%

**45** (Tỷ VNĐ)  
 LỢI NHUẬN ↑ 44,7%

**96,5** (Tỷ VNĐ)  
 DOANH THU

Với sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021 đã chứng kiến những biến động đầy bất ngờ khi chỉ số VN-Index tại phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021 đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,73%. Khác với sự bất ổn về kinh tế và xã hội của phần lớn các quốc gia trên thế giới, nền kinh tế của Việt Nam lại có những sự phát triển vượt bậc ngoài dự đoán. Hòa mình theo sự phát triển của thị trường kinh tế Việt Nam, BETA cũng đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2021. Cụ thể:



- Theo đó lợi nhuận của BETA là 45 tỷ đồng, đạt 143% so với kế hoạch đề ra và tăng 44,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu là 96,5 tỷ, đạt 208% so với kế hoạch. Điều này đã phản ánh đúng sự khởi sắc trong hoạt động kinh doanh của BETA trong một năm mà thị trường chứng khoán Việt Nam được chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ.
- Với một năm kinh doanh thuận lợi, đồng thời chỉ số VN-Index cuối năm 2021 đạt ở mức cao (1.498,28 điểm) hứa hẹn BETA sẽ đạt được nhiều thành công hơn nữa trong năm 2022.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN VĂN CỰ**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cự tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng và Cử nhân Luật. Hiện Ông Nguyễn Văn Cự đang sở hữu 10.826.200 cổ phần, tỉ lệ sở hữu 27,066 % tổng số cổ phần của BETA.



Bà **NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
**Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Bà là thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BETA. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ. Hiện Bà Nguyễn Thị Minh Quang sở hữu 5.182.500 cổ phần, tỉ lệ sở hữu 12,956 % tổng số cổ phần của BETA.



Ông **HUỖNH VĂN TỐT**  
**Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ tháng 9/2012 đến ngày 29/12/2020. Ông Huỳnh Văn Tốt hiện không sở hữu cổ phần tại BETA.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **HOANG THANH BINH**  
*Tổng Giám đốc*

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Chứng khoán. Ông Hoàng Thanh Bình giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ ngày 29/12/2020. Ông Hoàng Thanh Bình hiện không sở hữu cổ phần tại BETA.



Bà **NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
*Phó Tổng Giám đốc*

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar. Tốt nghiệp Đại học Bang California, Fullerton. Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán. Bà Nguyễn Thị Minh Quang Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ năm 2008 đến nay.



Bà **TRẦN THỊ BÔNG**  
*Phó Tổng Giám đốc*

Luật sư Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2007, Cử nhân trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Cử nhân khoa Ngữ văn Anh trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Tp. HCM. Bà Trần Thị Bông có gần 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ tháng 11/2012. Hiện Bà Trần Thị Bông đang sở hữu 7.000 cổ phần, tỉ lệ sở hữu 0.018% tổng số cổ phần của BETA.



Bà **ĐỖ THỊ THANH HOA**  
*Kế toán trưởng*

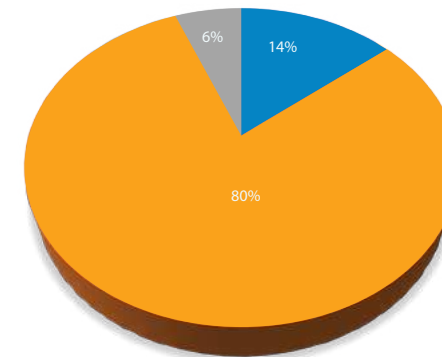
Cử nhân Kinh tế trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán. Giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ 17/9/2019.

## CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá và đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của BETA. Chính vì vậy, trong quá trình hình thành và phát triển BETA không ngừng xây dựng các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực minh bạch, công bằng, khách quan và cạnh tranh để thu hút và giữ gìn nhân tài đáp ứng yêu cầu khẩn trương nguồn nhân lực trong ngành chứng khoán nói riêng và tài chính nói chung. Tính đến cuối năm 2021, tổng số nhân sự của BETA là 36 cán bộ nhân viên, trong đó:

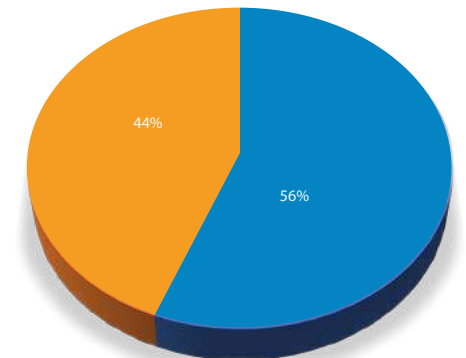
- Trình độ trên Đại học: 5 CBNV chiếm 14%.
- Trình độ Trung cấp, LĐPT: 2 CBNV chiếm 6%.
- Trình độ Đại học: 29 CBNV chiếm 80%.
- Giới tính: 20 CBNV Nam, 16 CBNV Nữ.

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CBNV



Trình độ trên Đại học    Trình độ Đại học    Trình độ Trung cấp, LĐPT

CƠ CẤU GIỚI TÍNH CBNV



Nam (20 CBNV)    Nữ (16 CBNV)

Ngoài chính sách lương cơ bản, lương kinh doanh, lương tháng 13 và các khoản thưởng hoàn thành công việc theo hoạt động của cá nhân và đơn vị. Tất cả nhân viên chính thức của BETA đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. BETA không ngừng cập nhật các kiến thức liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và đào tạo chuyên sâu các nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.



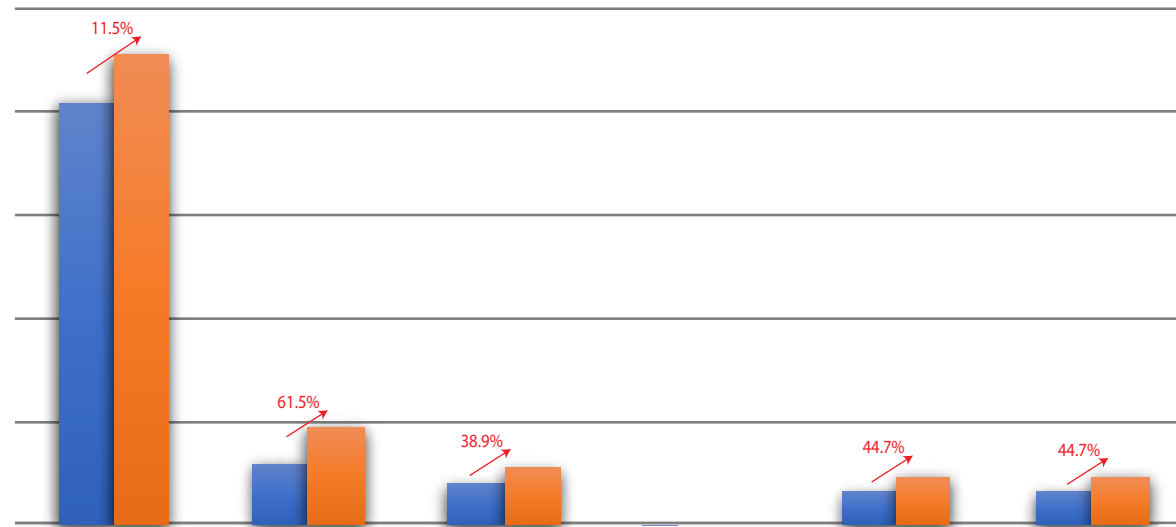
Thay đổi Ban điều hành năm 2021: Không có



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Các khoản đầu tư lớn: không phát sinh
2. Các công ty con, công ty liên kết: không phát sinh
3. Tình hình tài chính

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



	Tổng giá trị tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận khác	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
■ Năm 2020	407,769,276,915	58,232,213,526	39,580,856,692	(119,962,619)	31,128,518,981	31,128,518,981
■ Năm 2021	454,866,281,286	94,034,868,466	54,990,498,893	-	45,041,123,056	45,041,123,056

## 4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	99	242	
Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	99	242	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,29	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,29	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,21	0,14	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,48	0,53	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,1	0,08	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1	0,08	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,48	0,54	

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## 1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.000.000

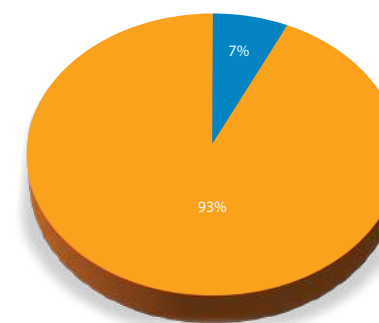
Loại cổ phần: Phổ thông

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

## 2. Cơ cấu cổ đông:

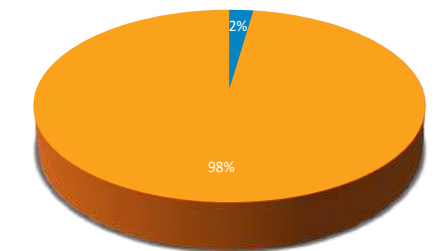
STT	Đối tượng	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
		SL Cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	SL Cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>1. Cổ đông sở hữu từ 5% vốn biểu quyết trở lên</b>							
1	Cá nhân	5	29.401.330	72,77	0	0	0
2	Tổ chức	1	4.400.000	11	0	0	0
<b>2. Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn biểu quyết</b>							
1	Cá nhân	78	5.875.970	14,69	0	0	0
2	Tổ chức	1	616.000	1,54	0	0	0

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN



■ Cổ đông lớn (>=5%) ■ Cổ đông nhỏ (<5%)

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC



■ Cổ đông tổ chức ■ Cổ đông cá nhân

## 3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Họ và tên	Đầu năm		Cuối năm	
		SL cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	SL cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Cự	10.426.200	26,33	10.826.200	27,07

## 4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

## 5. Các chứng khoán khác: Không có



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



## TIÊU THỤ NƯỚC

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng BETA luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

BETA tuyên truyền thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa.
- Năm 2021, BETA đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên trong Công ty.



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. BETA luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất.

Phòng Hành chính Nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, BETA còn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo nhiều cấp độ để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động.

Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chương trình “Chung tay đẩy lùi COVID-19”, quyền góp trang thiết bị phục vụ phòng, chống COVID-19 cho TP.HCM. Bằng nhiều hình thức khác nhau, BETA tổ chức từ thiện đã chung tay hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau.





## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



**94.035** (Triệu VNĐ)  
DOANH THU THUẦN ↑ 61%

**45.041** (Triệu VNĐ)  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ ↑ 44%

Năm 2021, sự xuất hiện của dịch bệnh Covid-19 đã tạo ra không ít khó khăn cho hoạt động quản lý điều hành nhưng cũng tạo ra nhiều cơ hội mới trong hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh thu thuần của BETA đạt 94.035 triệu đồng, tăng 61% so với năm 2020 và lợi nhuận sau thuế đạt 45.041 triệu đồng, tăng 44% so với năm 2020 và đạt kế hoạch đề ra 143%. Nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh tốt chủ yếu đến từ các hoạt động sau:

- **Môi giới chứng khoán:** Môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn từ các công ty chứng khoán nước ngoài và các công ty chứng khoán mới nổi dùng chính sách giá và hoa hồng để cạnh tranh, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động môi giới. Doanh thu hoạt động môi giới năm 2021 là 3.181 triệu đồng.
- **Lưu ký chứng khoán:** Dịch vụ lưu ký chứng khoán được triển khai trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán và sự chuyên nghiệp của BETA. Trong năm 2021, BETA tiếp tục thực hiện dịch vụ lưu ký với đầy đủ sự chuẩn mực và cẩn trọng cho khách hàng. Doanh thu hoạt động lưu ký năm 2021 là 1.054 triệu đồng
- **Tư vấn và bảo lãnh phát hành:** Là hoạt động quan trọng để xây dựng nên thương hiệu và hình ảnh của BETA, đồng thời cũng là hoạt động mang lại khách hàng tiềm năng cho hoạt động môi giới. Năm 2021, hoạt động này đạt doanh thu 2.126 triệu đồng
- Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): 8.538 triệu đồng
- Khoản tăng đánh giá tài sản tài chính (FVTPL): 67.127 triệu đồng
- Khoản đầu tư được nhận cổ tức: 2.518 triệu đồng

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cuối năm 2021, tổng tài sản tăng 47.097 triệu đồng tương ứng 11,5% so với đầu năm 2021. Cụ thể, tại 31/12/2021 các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) là 84.057 triệu đồng tăng 24.446 triệu tương ứng 41% so với số liệu tại 01/01/2021.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn cuối năm 2021 tăng 12.190 triệu đồng tương đương 16,3% so với đầu năm 2021, những khoản đầu tư tài chính dài hạn những năm trở lại đây được đánh giá ổn định với tỷ lệ chi trả cổ tức dao động từ 8% đến 15% tùy kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.





BETA tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Cùng với việc đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên, BETA cũng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.



Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA, Chúng tôi xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán, cụ thể như sau:

1. Tại 31/12/2021, Công ty tiến hành lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn với giá trị khoản đầu tư gốc là 51.752.000.000 đồng dựa trên Báo cáo tài chính năm 2021 do các Công ty nhận đầu tư lập: Đây là khoản đầu tư vào CTCP Dịch vụ Điện Tử Việt, đơn vị nêu trên không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Tại ngày 31/12/2021, giá trị đầu tư vào mã STB được ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 76.544.653.500 đồng, chiếm 16,95% vốn chủ sở hữu của Công ty. Trước đó, chúng tôi đã bán STB để đưa tỷ lệ đầu tư về mức an toàn, nhưng do cuối năm tình hình thị trường biến động giá liên tục nên tỷ lệ vượt mức cho phép tương đối nhỏ.





**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tại BETA, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của BETA trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đã và đang thiết lập một văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi và kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi.



## 2. ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

BETA luôn hướng đến một môi trường xanh - sạch - đẹp nơi công sở, hạn chế tối đa việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, CBVN đã có nhiều việc làm, hành động đẹp góp phần lan tỏa những thông điệp ý nghĩa về bảo vệ môi trường, hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” tại Công ty.



## 3. ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Ở Công ty, chúng tôi tạo công ăn việc làm hợp pháp và nộp thuế đầy đủ giúp xây dựng đất nước. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại BETA



# KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức trong năm 2021 bởi làn sóng dịch COVID-19 do biến chủng Delta gây ra, sang năm 2022, kinh tế Việt Nam sẽ trở lại trạng thái “bình thường mới” với triển vọng tăng trưởng tươi sáng và vững chắc hơn nhờ đạt tỷ lệ tiêm chủng cao. GDP của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 7,0 - 7,5% so với cùng kỳ vào năm 2022, với tốc độ phục hồi cao trên mọi phương diện. Và thị trường chứng khoán Việt Nam cũng được kỳ vọng có những bước phát triển mạnh mẽ trong năm 2022 trên tất cả các khía cạnh như: giá trị giao dịch thị trường; sự hồi phục của dòng vốn nước ngoài; sản phẩm tài chính mới cũng như các nền tảng pháp lý có hiệu lực từ đầu năm tạo tiền đề cho nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, năm 2022 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh mãnh liệt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ nhóm công ty có vốn nước ngoài.

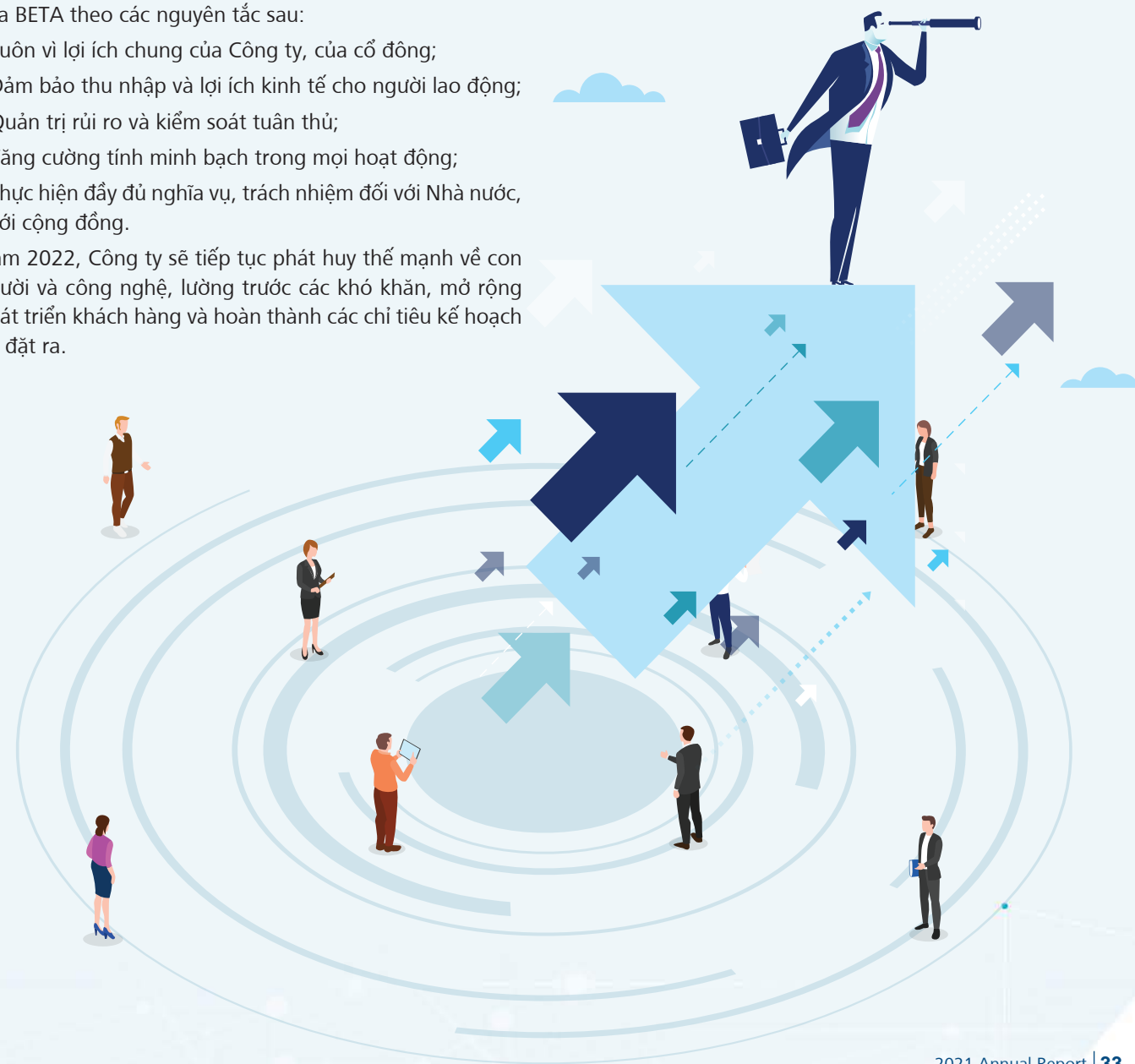
Trong bối cảnh đó, các nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại BETA được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung - dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững: chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của BETA để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường. BETA không áp dụng các hình thức tăng trưởng nóng, mà chú trọng tới các giải pháp xây dựng và bảo vệ sự phát triển bền vững, giữ an toàn và hiệu quả cho nhà đầu tư.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong điều hành hoạt động của BETA theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước, với cộng đồng.

Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước các khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.







## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch của Hội đồng quản trị,

Ban giám đốc và Ban kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch	27,07
2	Bà Nguyễn Thị Minh Quang	P. Chủ tịch	12,96
3	Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên	0

### 2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

#### 2.1. Tiểu ban Ủy ban Nhân sự

Tiểu ban Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của BETA; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát và người điều hành của BETA theo điều lệ của BETA. Nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của BETA thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự và các chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành, các cán bộ nhân viên của BETA. Ủy Ban Nhân sự do HĐQT thành lập.

#### 2.2. Tiểu ban Hội đồng Đầu tư

Tiểu ban Hội đồng Đầu tư có chức năng xem xét, quyết định phê duyệt việc cấp đầu tư theo quy định của BETA trong từng thời kỳ, chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát việc quản lý các khoản đầu tư, tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong lĩnh vực đầu tư thương mại.

#### 2.3. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hoạt động theo đúng các quy định trong chức năng tổ chức và hoạt động của Tiểu ban đã được HĐQT thông qua.

### 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Thời gian	Trích yếu nội dung
01	0401/2021/QĐ-HĐQT-BSI	04/01/2021	Hợp định kỳ về hoạt động kinh doanh tháng 12/2020
02	0302/2021/QĐ-HĐQT-BSI	03/02/2021	Hợp định kỳ về hoạt động kinh doanh tháng 01/2021
03	0303/2021/QĐ-HĐQT-BSI	03/03/2021	Hợp định kỳ về hoạt động kinh doanh tháng 02/2021
04	0504/2021/QĐ-HĐQT-BSI	05/04/2021	Hợp định kỳ về hoạt động kinh doanh tháng 03/2021
05	0505/2021/QĐ-HĐQT-BSI	05/05/2021	Hợp định kỳ về hoạt động kinh doanh tháng 04/2021
06	2005/2021/QĐ-HĐQT-BSI	20/05/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ
07	0408/2021/QĐ-HĐQT-BSI	04/08/2021	Thông qua Báo cáo tài chính quý 2/2021
08	0411/2021/QĐ-HĐQT-BSI	04/11/2021	Thông qua Báo cáo tài chính quý 3/2021

### 4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- 4.1. Ông Nguyễn Văn Cự - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 4.2. Bà Nguyễn Thị Minh Quang - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 4.3. Ông Huỳnh Văn Tốt - Thành viên Hội đồng Quản trị

## BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban	0,013
2	Nguyễn Thị Hải	Thành viên	0
3	Trần Thanh Khiết	Thành viên	0

### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đảm bảo chức năng trong việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; xem xét tính phù hợp của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh

#### 3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thuyết minh báo cáo tài chính



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 từ trang 07 đến trang 53 kèm theo.

### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2021 là 400.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Khiết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Thanh Bình - Tổng Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Thanh Hoa.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

### CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cựu

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Hoàng Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Số: 025/2022/UHYHCM-BCKTDL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn dựa trên Báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt lập mà chưa được kiểm toán với giá trị khoản đầu tư gốc là 51.752.000.000 đồng (đơn vị này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành). Do đó, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập theo quy định tại ngày 31/12/2021, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2021, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB được ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 76.544.653.500 đồng, chiếm 16,95% vốn chủ sở hữu của Công ty. Theo quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động Công ty Chứng khoán, Công ty chứng khoán không được đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh như đã nêu trên.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phan Thanh Điền**  
Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**Lê Đức Hạnh**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 3340-2020-112-1

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>321.010.235.279</b>	<b>283.927.014.425</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>320.705.580.971</b>	<b>283.587.677.367</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	68.969.811.148	23.396.366.491
Tiền	111.1		68.969.811.148	23.396.366.491
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	84.057.531.500	59.610.962.590
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	154.900.000.000	189.900.000.000
Các khoản cho vay	114	7.3	8.611.159.024	5.161.182.982
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.5	-	(409.502.609)
Các khoản phải thu	117	8	3.300.656.089	4.876.051.714
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	8	3.300.656.089	4.876.051.714
Trả trước cho người bán	118	8	92.195.100	151.500.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	773.810.860	900.698.949
Các khoản phải thu khác	122	8	25.785.284.763	25.785.284.763
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(25.784.867.513)	(25.784.867.513)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>304.654.308</b>	<b>339.337.058</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	301.654.308	336.337.058
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	3.000.000	3.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133.856.046.007</b>	<b>123.842.262.490</b>
Tài sản tài chính dài hạn	210		87.009.500.000	74.566.757.347
Các khoản đầu tư	212		87.009.500.000	74.819.500.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4	12.1	87.009.500.000	74.819.500.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	12.2	-	(252.742.653)
Tài sản cố định	220		9.401.028.318	11.805.890.429
Tài sản cố định hữu hình	221	13	645.682.503	1.429.557.110
- Nguyên giá	222		9.961.296.403	9.961.296.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(9.315.613.900)	(8.531.739.293)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.755.345.815	10.376.333.319
- Nguyên giá	228		14.724.429.770	14.724.429.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.969.083.955)	(4.348.096.451)
Tài sản dài hạn khác	250		37.445.517.689	37.469.614.714
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	33.000.000.000	33.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	265.384.300	307.396.693
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	4.180.133.389	4.162.218.021
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>454.866.281.286</b>	<b>407.769.276.915</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

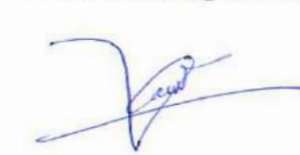
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.229.000.339</b>	<b>1.173.119.024</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.229.000.339	1.173.119.024
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	76.447.569	80.699.393
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	4.065.600	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		537.900.000	264.400.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	1.560.940.949	152.995.267
Phải trả người lao động	323		758.218.836	397.738.024
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		98.596.822	95.657.972
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	19	44.208.673	33.006.478
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		148.621.890	148.621.890
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>451.637.280.947</b>	<b>406.596.157.891</b>
Vốn chủ sở hữu	410	20	451.637.280.947	406.596.157.891
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	417		49.193.009.690	4.151.886.634
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		7.846.104.431	1.045.503.390
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		41.346.905.259	3.106.383.244
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>454.866.281.286</b>	<b>407.769.276.915</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>CHỈ TIÊU</b>				
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	21	1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22	25.804.960.000	35.104.160.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	40.000	40.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24	892.098.810.000	1.159.131.130.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		202.057.430.000	207.275.390.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.655.680.000	861.740.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		222.666.980.000	473.206.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		4.266.000.000	17.334.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	25	22.907.770.000	23.377.540.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		22.907.770.000	23.377.540.000
Tiền gửi của khách hàng	026		24.784.691.711	74.172.264.984
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	26	17.155.047.511	30.340.381.784
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	26	7.629.644.200	43.831.788.200
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	27	-	95.000
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	24.784.691.711	74.172.169.984
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		24.781.850.994	74.169.246.333
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		2.840.717	2.923.651
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	29	172.740.000	-
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	95.000

  
Nguyễn Thị Thúy Cẩm  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		77.850.970.455	43.066.801.729
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	32	10.513.510.645	3.085.278
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	33	67.127.278.910	42.878.166.577
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	34	210.180.900	185.549.874
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	34	8.537.663.836	11.569.911.143
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	34	1.250.356.853	170.732.269
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	35	3.181.194.596	986.046.593
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		1.750.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	35	1.054.250.904	1.414.796.187
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	35	375.909.091	1.008.225.595
Thu nhập hoạt động khác	11	35	34.522.731	15.700.010
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>94.034.868.466</b>	<b>58.232.213.526</b>
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	32	6.355.000.000	553.847
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	33	28.886.756.895	18.987.068.128
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(409.502.609)	(3.532.609.003)
Chi phí hoạt động tự doanh	26		478.000.000	478.000.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	36	2.748.671.060	1.678.889.019
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	36	367.281.210	417.068.709
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	36	616.901.451	621.569.279
Chi phí các dịch vụ khác	32	36	1.261.566	816.855
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>39.044.369.573</b>	<b>18.651.356.834</b>
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	37	2.518.074.937	3.107.364.796
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>42</b>	<b>2.518.074.937</b>	<b>3.107.364.796</b>
Chi phí lãi vay	52		574.267.806	680.153.150
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		(252.742.653)	(128.446.860)
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>	<b>38</b>	<b>321.525.153</b>	<b>551.706.290</b>
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	39	12.145.925.621	10.888.033.598
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>45.041.123.056</b>	<b>31.248.481.600</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	71	40	-	100.038.750
Chi phí khác	72	40	-	220.001.369
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>(119.962.619)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>45.041.123.056</b>	<b>31.128.518.981</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		6.800.601.041	7.237.420.532
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		38.240.522.015	23.891.098.449
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	41	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>45.041.123.056</b>	<b>31.128.518.981</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		1.126	778

Nguyễn Thị Thúy Cẩm  
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng

Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(710.879.218.505)	(425.842.728.099)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		766.737.242.463	414.741.739.535
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(45.964.932)	(103.882.755)
Cổ tức đã nhận	04		210.180.900	180.289.600
Tiền lãi đã thu	05		11.691.016.970	9.268.708.677
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(574.267.806)	(680.153.150)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.095.732.520)	(526.023.713)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(6.061.836.254)	(5.427.007.709)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(5.297.630.664)	(539.379.235)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		213.630.253.972	246.114.910.937
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(206.414.098.967)	(245.703.962.467)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>61.899.944.657</b>	<b>(8.517.488.379)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(8.800.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	23		(24.900.000.000)	(34.680.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		6.355.000.000	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		2.218.500.000	2.818.500.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.326.500.000)</b>	<b>(40.661.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay gốc	33		110.400.005.500	315.600.000.000
Tiền vay khác	33.2		110.400.005.500	315.600.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(110.400.005.500)	(315.600.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(110.400.005.500)	(315.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>45.573.444.657</b>	<b>(49.178.988.379)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>23.396.366.491</b>	<b>72.575.354.870</b>
Tiền	61		23.396.366.491	32.575.354.870
Các khoản tương đương tiền	62		-	40.000.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>68.969.811.148</b>	<b>23.396.366.491</b>
Tiền	71	5	68.969.811.148	23.396.366.491
Các khoản tương đương tiền	72	5	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.550.787.156.315	346.716.202.390
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(835.662.896.274)	(244.500.442.987)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(763.748.244.603)	(31.196.633.938)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(590.753.711)	(1.690.867.130)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		114.059.217.224	4.870.427.630
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(114.059.312.224)	(4.870.332.630)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>		<b>(49.214.833.273)</b>	<b>69.328.353.335</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>74.172.264.984</b>	<b>4.843.911.649</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		74.172.264.984	4.843.911.649
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		30.340.381.784	4.146.780.449
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		43.831.788.200	697.131.200
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		95.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>24.957.431.711</b>	<b>74.172.264.984</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		24.957.431.711	74.172.264.984
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		17.155.047.511	30.340.381.784
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		7.629.644.200	43.831.788.200
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		172.740.000	95.000
Trong đó có kỳ hạn:				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Nguyễn Thị Thúy Cẩm  
Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng

Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

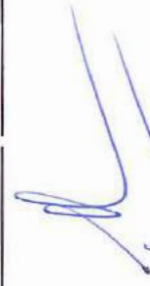


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2020		Năm 2020		Năm 2021	
	Tại 01/01/2020	Tại 01/01/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu	VND	VND	VND	VND	VND	VND
375.467.638.910	406.596.157.891	56.129.570.356	(25.001.051.375)	75.542.513.663	(30.501.390.607)	451.637.280.947
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	657.921.000	657.921.000	-	-	-	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.786.350.257	1.786.350.257	-	-	-	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	(26.976.632.347)	4.151.886.634	56.129.570.356	(25.001.051.375)	75.542.513.663	49.193.009.690
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(6.191.917.142)	1.045.503.390	13.579.425.147	(6.342.004.615)	11.248.363.943	7.846.104.431
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(20.784.715.205)	3.106.383.244	42.550.145.209	(18.659.046.760)	64.294.149.720	41.346.905.259
Cộng	375.467.638.910	406.596.157.891	56.129.570.356	(25.001.051.375)	75.542.513.663	451.637.280.947
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Thị Thúy Cẩm  
Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA  
Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1.1 GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## 1.2 ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

## 1.3 ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều lệ Công ty ban hành lần đầu ngày 10/05/2007 và được sửa đổi thay thế ngày 27/05/2013.

## 1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Quy mô vốn

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2021 là 400.000.000.000 đồng.

## Mục tiêu đầu tư

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

## Hạn chế đầu tư

Theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**Hạn chế đầu tư (tiếp)**

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
  - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
  - Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Thông tư này và hạn chế đầu tư theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

**Cấu trúc Công ty**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty và đặc biệt là các quy định ban hành của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC đưa ra các quy định, nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016, riêng các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã cho phép ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Từ ngày 01/01/2017, giá trị các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý theo quy định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền hiện có của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo, gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK, tiền mặt tại quỹ của CTCK, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của CTCK và các khoản tương đương tiền (nếu có).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

**4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)**

a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) **Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 đã cho phép ghi nhận theo nguyên tắc giá trị hợp lý: các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Theo đó, căn cứ quy định tại Thông tư số 210 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại cao hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2021 là 41.348.535.781 đồng và giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại thấp hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2021 là 1.630.522 đồng. Phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

Theo quy định, cuối tháng chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL trong năm 2021 là 67.127.278.910 đồng.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL trong năm 2021 là 28.886.756.895 đồng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán). Số chênh lệch tăng, giảm do đánh giá lại của từng loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK không bù trừ giữa các tài sản tài chính.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thể chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thể chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thể chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thể chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thể chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thể chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

**4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC:** Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC:** tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phân ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**4.10 CÁC QUỸ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

**4.11 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

**Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Là khoản phí môi giới CTCK được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho CTCK khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

**Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán**

Cơ sở ghi nhận giảm số lượng và giá trị các tài sản tài chính bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện và nhận được Thông báo kết quả bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) hoặc (Đối với chứng khoán niêm yết) hoặc của Tổ chức bù trừ và thanh toán được ủy nhiệm (Đối với chứng khoán chưa niêm yết mà CTCK được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành). Khi đó chứng khoán được xác định chuyển quyền sở hữu và việc nghĩa vụ thanh toán chứng khoán được thực hiện. Doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (Được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch).

**Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán (tiếp)**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Trong đó:

- Chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập;
- Chênh lệch lỗ được ghi nhận vào TK 632 - Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh.

Về thời điểm ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện doanh thu bán các tài sản tài chính là ngày T+x (Bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán và không qua Sở Giao dịch chứng khoán). Công ty chứng khoán có thể ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+0 ngày khớp lệnh giao dịch mua, bán các tài sản tài chính (Trường hợp mua bán các TSTC trên Sở Giao dịch chứng khoán).

**Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

**Thu nhập lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ khác**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 GHI NHẬN CHI PHÍ**

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

**4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tiền	68.969.811.148	23.396.366.491
Tiền mặt	1.275.858.807	3.093.620.311
Tiền gửi ngân hàng	67.693.952.341	20.302.746.180
<b>Cộng</b>	<b>68.969.811.148</b>	<b>23.396.366.491</b>

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	1.130.000	29.103.000.000
- Cổ phiếu	1.130.000	29.103.000.000
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	114.338.215	2.067.255.067.500
- Cổ phiếu	114.338.215	2.067.255.067.500
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>115.468.215</b>	<b>2.096.358.067.500</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

## 7.1 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	42.710.626.241	84.057.531.500	56.504.579.346	59.610.962.590
DPM	4.423.500.000	7.500.000.000	4.423.500.000	2.820.000.000
EIB	112.156	303.300	112.156	173.250
STB	38.279.699.006	76.544.653.500	52.074.188.361	56.783.814.100
Cổ phiếu lẻ khác	7.315.079	12.574.700	6.778.829	6.975.240
<b>Cộng</b>	<b>42.710.626.241</b>	<b>84.057.531.500</b>	<b>56.504.579.346</b>	<b>59.610.962.590</b>

## 7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Tài sản HTM	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng				
Ngắn hạn	154.900.000.000	189.900.000.000	189.900.000.000	189.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh (1)			97.200.000.000	97.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NKKN (2)			20.000.000.000	40.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (3)			37.700.000.000	47.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt			-	5.000.000.000
Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>154.900.000.000</b>	<b>189.900.000.000</b>	<b>189.900.000.000</b>	<b>189.900.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM) (TIẾP)

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bình Chánh, bao gồm:

- + Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/1878193/HDTG ngày 29/04/2021 với giá trị 28 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,9%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 02/2021/1878193/HDTG ngày 18/06/2021 với giá trị 21,2 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,9%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 03/2021/1878193/HDTG ngày 25/06/2021 với giá trị 48 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,9%/năm.

(2) Khoản tiền gửi 20 tỷ đồng có kỳ hạn theo hợp đồng tiền gửi số 787/2021/HDTG ĐCTC ngày 26/07/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NKKN, lãi suất 5,1%/năm, kỳ hạn 365 ngày. Số dư tiền gửi và khoản tiền lãi của hợp đồng này đang được dùng để cầm cố theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/1878193/HĐCC ngày 29/07/2021 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi hợp đồng thấu chi số 01/2021/1878193/HĐTC ngày 29/07/2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, bao gồm:

- + Hợp đồng ngày 29/11/2018, số tiền 17,7 tỷ đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,7%/năm.
- + Hợp đồng ngày 04/12/2018, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,7%/năm.

## 7.3 CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.795.263.841	4.795.263.841	4.090.312.970	3.680.810.361
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	3.815.895.183	3.815.895.183	1.070.870.012	1.070.870.012
<b>Cộng</b>	<b>8.611.159.024</b>	<b>8.611.159.024</b>	<b>5.161.182.982</b>	<b>4.751.680.373</b>

(\*) Giá trị hợp lý các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)****7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Tại 31/12/2021				Tại 01/01/2021				
	Giá mua		Giá trị		Giá trị		Giá trị		
	VND	Chênh lệch tăng	VND	Chênh lệch giảm	VND	Chênh lệch tăng	VND	Chênh lệch giảm	
Tài sản FVTPL	42.710.626.241	84.057.531.500	41.348.535.781	1.630.522	84.057.531.500	59.610.962.590	4.712.729.167	1.606.345.923	59.610.962.590
+ Cổ phiếu niêm yết	42.710.626.241	84.057.531.500	41.348.535.781	1.630.522	84.057.531.500	59.610.962.590	4.712.729.167	1.606.345.923	59.610.962.590
DPM	4.423.500.000	7.500.000.000	3.076.500.000	-	7.500.000.000	2.820.000.000	-	1.603.500.000	2.820.000.000
EIB	112.156	303.300	191.144	-	303.300	173.250	61.094	-	173.250
STB	38.279.699.006	76.544.653.500	38.264.954.494	-	76.544.653.500	56.783.814.100	4.709.625.739	-	56.783.814.100
Cổ phiếu khác	7.315.079	12.574.700	6.890.143	1.630.522	12.574.700	6.975.240	3.042.334	2.845.923	6.975.240
Tài sản AFS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản HTM	154.900.000.000	154.900.000.000	-	-	154.900.000.000	189.900.000.000	-	-	189.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn có định	154.900.000.000	154.900.000.000	-	-	154.900.000.000	189.900.000.000	-	-	189.900.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	8.611.159.024	8.611.159.024	-	-	8.611.159.024	4.751.680.373	-	409.502.609	4.751.680.373
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.795.263.841	4.795.263.841	-	-	4.795.263.841	3.680.810.361	-	409.502.609	3.680.810.361
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	3.815.895.183	3.815.895.183	-	-	3.815.895.183	1.070.870.012	-	-	1.070.870.012
<b>Cộng</b>	<b>206.221.785.265</b>	<b>247.568.690.524</b>	<b>41.348.535.781</b>	<b>1.630.522</b>	<b>247.568.690.524</b>	<b>254.262.642.963</b>	<b>4.712.729.167</b>	<b>2.015.848.532</b>	<b>254.262.642.963</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)****7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày giao dịch đầu tiên có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 7.5 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2021		Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2021	Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2020	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách			
Các khoản cho vay	-	-	-	(409.502.609)	409.502.609
Cho vay Margin	-	-	-	(409.502.609)	409.502.609
- Ông Huỳnh Nguyễn Vũ	-	-	-	(409.502.609)	409.502.609
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>(409.502.609)</b>	<b>409.502.609</b>

## DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	VND	VND
Các khoản cho vay	-	409.502.609
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp	-	409.502.609
<b>Cộng</b>	-	<b>409.502.609</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	<b>3.300.656.089</b>	<b>4.876.051.714</b>
- Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	3.269.696.712	4.865.240.548
- Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	30.959.377	10.811.166
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>92.195.100</b>	<b>151.500.000</b>
- Công ty Luật Liên kết	-	80.000.000
- Nhà cung cấp khác	92.195.100	71.500.000
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>773.810.860</b>	<b>900.698.949</b>
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	60.000.000	150.000.000
+ Nhà Khách Bông Sen	60.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	-	150.000.000
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	16.224.573	66.609.855
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	697.586.287	684.089.094
<b>Phải thu khác</b>	<b>25.785.284.763</b>	<b>25.785.284.763</b>
- Các khoản phải thu khác	25.784.867.513	25.784.867.513
Trong đó, nợ phải thu khó đòi	25.784.867.513	25.784.867.513
+ Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613
+ Các đối tượng còn lại (*)	24.642.757.900	24.642.757.900
Nộp bổ sung tiền Bảo hiểm	417.250	417.250
<b>Cộng</b>	<b>29.951.946.812</b>	<b>31.713.535.426</b>

(\*) Là khoản lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2021	
			Tại 01/01/2021	Số trích lập trong năm
		VND	VND	VND
		25.784.867.513	25.784.867.513	-
1	Dự phòng phải thu khác khó đòi			
1	Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-
2	Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-
3	Đình Thị Hoa	218.067.400	218.067.400	-
4	Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-
5	Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-
6	Nguyễn Văn Tiếp	6.921.706.000	6.921.706.000	-
7	Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-
8	Đỗ Trọng Thăng	3.006.378.000	3.006.378.000	-
9	Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-
10	Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.784.867.513</b>	<b>25.784.867.513</b>	<b>25.784.867.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>301.654.308</b>	<b>336.337.058</b>
Chi phí bản quyền thiết bị tường lửa	19.645.831	23.574.998
Chi phí bảo hiểm	3.719.456	48.350.847
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	157.033.249	9.683.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	121.255.772	254.728.213
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>265.384.300</b>	<b>307.396.693</b>
Chi phí bản quyền phần mềm	26.476.777	9.220.626
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	149.862.271	242.569.232
Chi phí trả trước dài hạn khác	89.045.252	55.606.835
<b>Cộng</b>	<b>567.038.608</b>	<b>643.733.751</b>

**11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà (*)	33.000.000.000	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.003.000.000</b>	<b>33.003.000.000</b>

(\*) Ký quỹ đặt cọc thuê nhà 33 tỷ đồng là khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019 giữa Công ty và với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt, Phụ lục số 01 Tiện ích và chi phí tiện ích và Phụ lục số 02 ngày 29/05/2020. Theo đó, Công ty thuê để làm trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****12.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị ghi số	
	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2021	
	Cổ phần	Cổ phần	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.168.250</b>	<b>2.739.250</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>74.819.500.000</b>
- Công ty Cổ phần An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	202.000	102.000	51.752.000.000	26.852.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Tiến Lợi	-	300.000	-	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa ốc Minh Gia	-	371.000	-	3.710.000.000
- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa	450.000	450.000	11.970.000.000	11.970.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.168.250</b>	<b>2.739.250</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>74.819.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****12.2 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2021		Giá trị lập dự		Mức hoàn nhập dự phòng trong năm 2021
	Giá trị số sách		phòng tại		
	Số lượng	Giá trị thị trường (*)	phòng	31/12/2020	
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>-</b>	<b>252.742.653</b>	<b>(252.742.653)</b>
- <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>					
- Công ty Cổ phần An Phú (APH) (1)	316.250	8.287.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức (1)	1.200.000	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt (2)	1.200.000	51.752.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Tiến Lợi	1.200.000	-	-	247.764.171	(247.764.171)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa ốc Minh Gia	1.200.000	-	-	4.978.482	(4.978.482)
- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (1)	1.200.000	11.970.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>87.009.500.000</b>	<b>-</b>	<b>252.742.653</b>	<b>(252.742.653)</b>

(1) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tồn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2021.

(2) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tồn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2021 (đơn vị này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị quản lý		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Tại 01/01/2021	150.000.000	3.436.922.402	5.015.024.497	32.990.000	1.326.359.504	9.961.296.403						
Tại 31/12/2021	150.000.000	3.436.922.402	5.015.024.497	32.990.000	1.326.359.504	9.961.296.403						
<b>HAO MÒN LUY KẾ</b>												
Tại 01/01/2021	(150.000.000)	(2.770.639.987)	(4.261.830.077)	(22.909.725)	(1.326.359.504)	(8.531.739.293)						
Khấu hao trong năm	-	(242.127.661)	(531.666.671)	(10.080.275)	-	(783.874.607)						
Tại 31/12/2021	(150.000.000)	(3.012.767.648)	(4.793.496.748)	(32.990.000)	(1.326.359.504)	(9.315.613.900)						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Tại 01/01/2021	-	666.282.415	753.194.420	10.080.275	-	1.429.557.110						
Tại 31/12/2021	-	424.154.754	221.527.749	-	-	645.682.503						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 5.583.800.114 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 5.551.726.503 đồng).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính		Website công ty		TSCĐ vô hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>								
Tại 01/01/2021	14.456.686.320	205.924.000	61.819.450	14.724.429.770				
Tại 31/12/2021	14.456.686.320	205.924.000	61.819.450	14.724.429.770				
<b>HAO MÒN LUY KẾ</b>								
Tại 01/01/2021	(4.080.353.001)	(205.924.000)	(61.819.450)	(4.348.096.451)				
Khấu hao trong năm	(1.620.987.504)	-	-	(1.620.987.504)				
Tại 31/12/2021	(5.701.340.505)	(205.924.000)	(61.819.450)	(5.969.083.955)				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>								
Tại 01/01/2021	10.376.333.319	-	-	10.376.333.319				
Tại 31/12/2021	8.755.345.815	-	-	8.755.345.815				

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 657.769.770 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 492.169.770 đồng).

## 15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động số dư của khoản tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
Tiền nợ ban đầu	124.212.275	124.212.275		
Tiền nợ bổ sung	2.819.328.548	2.773.363.616		
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.236.592.566	1.264.642.130		
<b>Cộng</b>	<b>4.180.133.389</b>	<b>4.162.218.021</b>		



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 16. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay	Tại 01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Tại 31/12/2021
		VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>					
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa TK 9944 (1)	5,75%	-	110.400.005.500	110.400.005.500	-
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa TK 7558 (2)	7%	-	103.400.005.500	103.400.005.500	-
<b>b. Vay dài hạn</b>					
<b>Cộng</b>		-	110.400.005.500	110.400.005.500	-

(1) Vay thấu chi Ngân hàng BIDV TK 9944 theo Hợp đồng thấu chi số 08/2020/1878193/HĐTC ngày 18/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 250 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 08/2020/1878193/HĐCC ngày 18/11/2020.

(2) Vay thấu chi Ngân hàng BIDV TK 7558 theo Hợp đồng thấu chi số 01/2021/1878193/HĐTC ngày 29/07/2021 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 14.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 7%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 245 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 787/2021/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,1%/năm, với giá trị là 20 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 26/07/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/1878193/HĐCC ngày 29/07/2021.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	48.979.777	45.818.282
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	27.467.792	34.881.111
<b>Cộng</b>	<b>76.447.569</b>	<b>80.699.393</b>

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	46.818.181	40.918.178	84.154.540	3.581.819
- Thuế thu nhập cá nhân	106.177.086	6.661.658.168	5.210.476.124	1.557.359.130
<b>Cộng</b>	<b>152.995.267</b>	<b>6.702.576.346</b>	<b>5.294.630.664</b>	<b>1.560.940.949</b>

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Điều chỉnh số tiền dư theo thông báo từ BHXH Quận 1	26.676.273	26.676.273
Phải trả phải nộp khác	17.532.400	6.330.205
<b>Cộng</b>	<b>44.208.673</b>	<b>33.006.478</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 20.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Số vốn thực góp	Tỷ lệ	Số vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Cự	108.262.000.000	27,07%	104.262.000.000	26,07%
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	58.868.300.000	14,72%	58.868.300.000	14,72%
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	51.825.000.000	12,96%	51.825.000.000	12,96%
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000	11,00%
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000	7,50%
Bà Phan Thị Yên Hà	42.125.000.000	10,53%	42.125.000.000	10,53%
Bà Trần Thị Bông	70.000.000	0,02%	70.000.000	0,02%
Các cổ đông khác	64.849.700.000	16,20%	68.849.700.000	17,21%
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20.4 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm	45.041.123.056	31.128.518.981
Lợi nhuận đã thực hiện	6.800.601.041	7.237.420.532
Lợi nhuận chưa thực hiện	38.240.522.015	23.891.098.449
<b>Cộng</b>	<b>45.041.123.056</b>	<b>31.128.518.981</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

STT	Đối tượng	Tại 31/12/2021	Từ 01/01/2021
		VND	VND
1	Lê Thị Thu Hương	231.826.917	231.826.917
2	Lại Danh Dương	806.108.430	806.108.430
	<b>Cộng</b>	<b>1.037.935.347</b>	<b>1.037.935.347</b>

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	25.804.960.000	35.104.160.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.804.960.000</b>	<b>35.104.160.000</b>

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.000	40.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	202.057.430.000	207.275.390.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.655.680.000	861.740.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	222.666.980.000	473.206.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.266.000.000	17.334.400.000
<b>Cộng</b>	<b>892.098.810.000</b>	<b>1.159.131.130.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.907.770.000	23.377.540.000
<b>Cộng</b>	<b>22.907.770.000</b>	<b>23.377.540.000</b>

**26. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	17.155.047.511	30.340.381.784
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	17.152.206.794	30.337.458.133
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.840.717	2.923.651
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	7.629.644.200	43.831.788.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	7.629.644.200	43.831.788.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.784.691.711</b>	<b>74.172.169.984</b>

**27. TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	95.000
Tiền mua phát hành thêm	172.740.000	-
<b>Cộng</b>	<b>172.740.000</b>	<b>95.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	17.155.047.511	30.340.381.784
- Nhà đầu tư trong nước	17.152.206.794	30.337.458.133
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.840.717	2.923.651
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	7.629.644.200	43.831.788.200
- Nhà đầu tư trong nước	7.629.644.200	43.831.788.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.784.691.711</b>	<b>74.172.169.984</b>

**29. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Phải trả về Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	95.000
Phải trả tiền mua phát hành thêm	172.740.000	-
<b>Cộng</b>	<b>172.740.000</b>	<b>95.000</b>

**30. PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Phải trả nghiệp vụ margin	4.826.223.218	4.101.124.136
- Phải trả gốc margin (Nhà đầu tư trong nước)	4.795.263.841	4.090.312.970
- Phải trả lãi margin (Nhà đầu tư trong nước)	30.959.377	10.811.166
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.815.895.183	1.070.870.012
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	3.815.895.183	1.070.870.012
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.642.118.401</b>	<b>5.171.994.148</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	16.224.573	66.609.855
<b>Cộng</b>	<b>16.224.573</b>	<b>66.609.855</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quần	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Năm 2021		Năm 2020	
						Cổ phiếu	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	1.030.000	-	26.705.500.000	16.191.989.355	10.513.510.645	2.531.431		
	Các cổ phiếu bán lãi			26.705.500.000	16.191.989.355	10.513.510.645	3.085.278		
	STB	1.030.000	25.928	26.705.500.000	16.191.989.355	10.513.510.645	-		
	HAX	-	-	-	-	-	-	71.375	
	DMC	-	-	-	-	-	-	361.545	
	CLC	-	-	-	-	-	-	151.615	
	HPG	-	-	-	-	-	-	757.422	
	TNA	-	-	-	-	-	-	198.571	
	VTC	-	-	-	-	-	-	1.544.750	
	Các cổ phiếu bán lỗ							(553.847)	
BMC	-	-	-	-	-	-	(38.000)		
MAC	-	-	-	-	-	-	(308.898)		
TS4	-	-	-	-	-	-	(130.800)		
VPH	-	-	-	-	-	-	(66.982)		
VTO	-	-	-	-	-	-	(9.167)		
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	671.000	-	6.355.000.000	12.710.000.000	(6.355.000.000)	-		
	+ Công ty CP Du lịch Tiên Lợi	300.000	15.000	4.500.000.000	9.000.000.000	(4.500.000.000)	-		
	+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa ốc Minh Gia	371.000	5.000	1.855.000.000	3.710.000.000	(1.855.000.000)	-		
	<b>Cộng</b>	<b>1.701.000</b>		<b>33.060.500.000</b>	<b>28.901.989.355</b>	<b>4.158.510.645</b>	<b>2.531.431</b>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 01/01/2021 VND	Chênh lệch điều chỉnh trong năm VND
I	Loại FVTPL	42.710.626.241	84.057.531.500	41.346.905.259	3.106.383.244	38.240.522.015
1	Cổ phiếu niêm yết	42.710.626.241	84.057.531.500	41.346.905.259	3.106.383.244	38.240.522.015
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu Các khoản cho vay hoạt động Margin Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	8.611.159.024 4.795.263.841 3.815.895.183	8.611.159.024 4.795.263.841 3.815.895.183	- - -	(409.502.609) (409.502.609)	409.502.609 409.502.609
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	51.321.785.265	92.668.690.524	41.346.905.259	2.696.880.635	38.650.024.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	210.180.900	185.549.874
Từ tài sản tài chính HTM	8.537.663.836	11.569.911.143
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.250.356.853	170.732.269
Từ AFS	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.998.201.589</b>	<b>11.926.193.286</b>

35. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.181.194.596	986.046.593
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.750.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	375.909.091	1.008.225.595
Doanh thu hoạt động lưu ký	1.054.250.904	1.414.796.187
Thu nhập hoạt động khác	34.522.731	15.700.010
<b>Cộng</b>	<b>6.395.877.322</b>	<b>3.424.768.385</b>

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.748.671.060	1.678.889.019
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	367.281.210	417.068.709
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	616.901.451	621.569.279
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	1.261.566	816.855
<b>Cộng</b>	<b>3.734.115.287</b>	<b>2.718.343.862</b>

37. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	64.888.030	26.128.325
Doanh thu lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán	234.686.907	262.736.471
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.218.500.000	2.818.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.518.074.937</b>	<b>3.107.364.796</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	574.267.806	680.153.150
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(252.742.653)	(128.446.860)
<b>Cộng</b>	<b>321.525.153</b>	<b>551.706.290</b>

39. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	4.696.997.273	4.194.762.213
Chi phí vật liệu, bao bì	53.840.645	59.329.229
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	162.725.337	261.685.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.404.862.111	1.905.236.978
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.486.664	4.346.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.966.833.397	3.871.010.296
Chi phí bằng tiền khác	855.180.194	591.662.826
<b>Cộng</b>	<b>12.145.925.621</b>	<b>10.888.033.598</b>

40. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phí thi hành án chuyển nhượng cổ phần	-	220.001.369
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>220.001.369</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

41. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.041.123.056	31.128.518.981
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(39.713.106.842)	(37.343.092.143)
- Các khoản điều chỉnh tăng	29.842.852.968	19.368.864.034
Chi phí không được trừ	956.096.073	381.795.906
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	28.886.756.895	18.987.068.128
- Các khoản điều chỉnh giảm	(69.555.959.810)	(56.711.956.177)
Cổ tức nhận được	(2.428.680.900)	(2.998.789.600)
Dự phòng phải thu hoàn nhập	-	(10.835.000.000)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(67.127.278.910)	(42.878.166.577)
Chuyển lỗ các năm	(5.328.016.214)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(6.214.573.162)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	45.041.123.056	31.128.518.981
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	45.041.123.056	31.128.518.981
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.126</b>	<b>778</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**43. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	3.000.000.000	222.541.000.000
		Hoàn ứng	3.000.000.000	222.541.000.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	9.142.411.000
		Hoàn ứng	-	9.142.411.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	5.000.000	95.000.000
		Hoàn ứng	5.000.000	95.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.870.790.200	1.368.918.653
<b>Cộng</b>	<b>1.870.790.200</b>	<b>1.368.918.653</b>

**44. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa để làm Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, Phụ lục 01 Tiện ích và chi phí tiện ích với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt và Phụ lục số 02 ngày 29/05/2020 về thỏa thuận về tiền đặt cọc. Theo đó, căn cứ Hợp đồng thuê nhà số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, thời hạn thuê tính từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/09/2033, cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2021	Từ 01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	660.000.000	660.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.640.000.000	2.640.000.000
Từ năm thứ năm trở đi đến hết thời hạn thuê	4.400.000.000	5.060.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.700.000.000</b>	<b>8.360.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**45. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.



**Nguyễn Thị Thúy Cẩm**  
Người lập biểu



**Đỗ Thị Thanh Hoa**  
Kế toán trưởng




**Hoàng Thanh Bình**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022





## CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BETA

---

**Địa chỉ:** Tòa nhà BETA, Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điện thoại:** (028) 3914.2929

**Email:** [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)